

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/DS-PT

Ngày: 26/8/2020

V/v *Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Đặng Ngọc Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố CL, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố CL, thị trấn NB, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L – Bị đơn
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:
Ngày 01/3/2018 (Âm lịch) vợ chồng ông T, bà L có vay của bà số tiền 230.000.000đ, có thỏa thuận lãi là 1,2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Khi vay không thể chấp tài sản. Việc vay mượn có viết giấy tay, vợ chồng ông T, bà L có ký vào giấy vay. Đến ngày 17/9/2018 (Âm lịch), vợ chồng ông T, bà L tiếp tục vay thêm của bà số tiền là 200.000.000đ, cũng với lãi suất như trên, thời hạn chỉ hẹn miệng là 01 tháng sẽ trả. Đến ngày 10/10/2018 (Âm lịch), vợ chồng ông T, bà L vay tiếp của bà 320.000.000đ, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất 1,5%/tháng. Ngày 11/10/2018 (Âm lịch), vợ chồng ông T, bà L vay tiếp của bà

320.000.000đ, thời hạn vay là 07 ngày sau sẽ trả, lãi suất là 1,5%/tháng. Tất cả các lần vay đều không có thế chấp.

Đối với khoản vay ngày 10/10/2018 thì chỉ có bà L ký vào giấy vay, còn các lần vay khác là 02 vợ chồng cùng ký vay. Tất cả các khoản vay trên thì đến nay vợ chồng ông T, bà L đã trả lãi đến ngày 24/10/2018 (Âm lịch) với số tiền lãi đã trả là 24.072.000đ, còn lại tiền gốc và lãi từ ngày 25/10/2018 (Âm lịch) đến nay chưa trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà L phải trả cho bà số tiền vay gốc là 1.070.000.000đ và tiền lãi trên tổng số tiền gốc 1.070.000.000đ, với mức lãi suất là 1,2%/tháng, thời gian yêu cầu trả lãi từ ngày 25/10/2018 (Âm lịch) đến khi Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 01/3/2018 (Âm lịch), vợ chồng ông bà có vay của bà T số tiền là 230.000.000đ, có thỏa thuận lãi là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, việc vay mượn có viết giấy tay. Sau hai tháng ông bà chưa trả được nên bà T chuyển sang tính lãi ngày là 3.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 17/9/2018, ông bà đã trả hết tiền lãi và trả thêm 30.000.000đ tiền gốc. Khi trả xong thì bà L có viết vào phía dưới của tờ giấy vay tiền với nội dung: *“từ ngày 17/9/2018 anh chị T, L vay của cô T số tiền 200.000.000đ”*, tờ giấy vay tiền do bà T giữ. Đến ngày 10/10/2018 (Âm lịch) ông bà tiếp tục hỏi vay bà T số tiền 320.000.000đ về đáo hạn Ngân hàng và bà T đồng ý cho vay. Vì vậy, ông bà đã viết sẵn giấy vay ở nhà, do nhầm lẫn nên ông T ghi là ngày 11/10/2018 với nội dung ông bà có vay của bà T số tiền 320.000.000đ, có thỏa thuận lãi là 3.000đ/1 triệu/ngày, thời hạn vay là 07 ngày, sau đó bà L mang giấy vay tiền đã viết sẵn này ra gặp bà T để lấy tiền, bà T cầm giấy xong thì nói *“không cần giấy này mà chị ký vào giấy em đã đánh máy sẵn đây”* nên bà L đã ký vào tờ giấy vay tiền do bà T đưa. Giấy vay tiền do bà T đánh sẵn có nội dung: *“Tôi (L) vay của bà T 320.000.000đ hẹn 7 ngày trả”*, giấy vay tiền ghi ngày 10/10/2018. Sau khi bà L ký xong thì bà T giữ giấy và giao tiền cho bà L, bà L có nói bà T đưa lại tờ giấy vay tiền cho bà L thì bà T nói tờ giấy đánh máy không có chữ ký của ông T nên bà T giữ cả hai tờ. Vì là anh em trong nhà nên bà L tin tưởng để cho bà T giữ luôn. Sau khi vay ông bà đã trả tiền lãi cho bà T đến ngày 30/4/2019, người vào nhận số tiền lãi 30.000.000đ lần cuối cùng là con trai bà T tên là Sơn. Tính đến nay thì ông bà chỉ còn nợ bà T số tiền gốc là 520.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/5/2019. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả cho bà T số tiền gốc đã vay là 1.070.000.000đ và tiền lãi suất trên tổng số tiền gốc là 1.070.000.000đ, với mức lãi suất là 1,2%/tháng, thời gian yêu cầu trả lãi là từ ngày 25/10/2018 (Âm lịch) đến khi Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án thì ông bà không đồng ý. Vợ chồng ông T, bà L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 520.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/5/2019 đến nay. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến và không có yêu cầu nào khác

Tòa án đã hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 840.000.000đ, số tiền lãi là 105.106.000đ, cộng chung là 945.106.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 09/6/2020, vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý trả cho bà T số tiền 320.000.000đ theo giấy vay ngày 11/10/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Xuất phát từ việc giữa bà Nguyễn Thị T và vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L có xác lập Giấy vay tiền, theo bà T thì vợ chồng ông T, bà L có vay của bà T 04 lần với tổng số tiền vay và lãi 1.070.000.000đ. Đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T, bà L chỉ mới trả cho bà được số tiền lãi đến ngày 24/10/2018 (Âm lịch) là 24.072.000đ, số tiền gốc và lãi từ ngày 24/10/2018 đến nay chưa trả. Còn ông T, bà L thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng chỉ vay hai lần, một lần 230.000.000đ, đã trả 30.000.000đ, còn lại 200.000.000đ và một lần là 320.000.000đ, tổng số tiền gốc còn lại chưa trả là 520.000.000đ nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông T, bà L không đồng ý trả nợ khoản vay 320.000.000đ ngày 11/10/2018 (Âm lịch) thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà T trình bày có cho vợ chồng ông T, bà L vay tiền ngày 10/11/2018 số tiền 320.000.000đ và ngày 11/10/2018 số tiền 320.000.000đ. Phía bà L, ông T cho rằng ngày 10/10/2018 (Âm lịch) ông bà vay bà T số tiền 320.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng. Ông bà đã viết sẵn giấy vay ở nhà, do nhầm lẫn nên ông T ghi là ngày 11/10/2018 với

nội dung ông bà có vay của bà T số tiền 320.000.000đ, thỏa thuận lãi là 3.000đ/1 triệu/tháng, thời hạn vay là 07 ngày. Bà L mang giấy này ra gặp bà T để lấy tiền. Bà T cầm giấy xong và nói không cần giấy bà L đưa mà đưa cho bà L ký vào tờ giấy vay tiền do bà T đưa. Sau khi bà L ký xong thì bà T giữ cả hai giấy và giao tiền cho bà L. Bà L nói bà T đưa lại tờ giấy vay tiền cho bà thì bà T nói tờ giấy đánh máy không có chữ ký của ông T nên bà T giữ cả hai tờ giấy vay tiền. Vì là anh em trong nhà nên bà L tin tưởng cho bà T giữ luôn.

Xét thấy, “Giấy vay tiền” ngày 11/10/2018 (Âm lịch) thể hiện nội dung “anh chị L T có vay của cô T số tiền 320.000.000 đồng...” (BL 03). Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L thừa nhận giấy vay tiền này do bà L viết và hai vợ chồng ký.

Tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án yêu cầu vợ chồng ông T, bà L cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc chỉ nhận một món vay 320.000.000đ nhưng ông T, bà L không cung cấp được. Mặc dù hai giấy vay tiền cùng ghi số tiền vay là 320.000.000đ nhưng lại ghi hai thời điểm khác nhau nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Giấy vay tiền ghi ngày 10/10/2018 (Âm lịch) chỉ có chữ ký của bà L nhưng ông T, bà L đều xác định số tiền ông, bà vay của bà T là để đáo hạn ngân hàng, sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng nên cấp sơ thẩm xác định đây là khoản vay chung và buộc vợ chồng ông T, bà L cùng có trách nhiệm trả là phù hợp.

Đối với các khoản tiền vay 230.000.000đ ngày 01/3/2018 (Âm lịch) và 200.000.000đ ngày 17/9/2018 (Âm lịch) các bên thống nhất, vợ chồng ông T, bà L không kháng cáo HĐXX không đề cập đến.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án buộc vợ chồng ông T, bà L phải trả cho bà T số tiền 945.106.000đ (trong đó tiền gốc là 840.000.000đ và 105.106.000đ tiền lãi) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, bà L; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đăng T, Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc vợ chồng Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 840.000.000đ, số tiền lãi là 105.106.000đ, cộng chung là 945.106.000đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 14.591.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 24.553.800đ theo biên lai thu số AA/2016/0007022 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 9.962.800đ án phí còn thừa.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đăng T, bà Nguyễn Thị L phải nộp 40.353.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0007476 ngày 10/6/2020. Vợ chồng ông T, bà L phải nộp số tiền 40.353.000đ án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (6);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt